

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

Số: 100.10/SYT-BMT
V/v giảm giá hóa chất đã trúng
thầu cung ứng cho các cơ sở y
tế năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 11 năm 2021

Kính gửi :

- Giám đốc các cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế;
- Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm.

Sau khi xem xét Văn bản số 465/2021/CTDM/CV ngày 25/10/2021 của Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm về việc giảm giá mặt hàng (do giảm mức thuế VAT từ 10% xuống 5%), Giám đốc Sở Y tế Đồng Nai thông báo:

1. Giảm giá các hóa chất đã trúng thầu gói thầu số 06: Hóa chất, thuốc thử, chất hiệu chuẩn in vitro thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua vật tư y tế, hóa chất, thuốc thử, chất hiệu chuẩn in vitro phòng chống dịch Covid và bổ sung (lần 1) và gói thầu số 02: Hóa chất, thuốc thử, chất hiệu chuẩn in vitro (Lần 1) và (Lần 3) thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua vật tư y tế, hóa chất, thuốc thử, chất hiệu chuẩn in vitro sử dụng tại các cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế năm 2021 của Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm. (Đính kèm Danh mục giảm giá)

Đơn giá này sẽ được áp dụng kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2021.

2. Đề nghị các cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế có kế hoạch sử dụng các mặt hàng có đơn giá phù hợp để đảm bảo không vượt dự toán kinh phí BHYT. Các cơ sở y tế và Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm căn cứ nội dung văn bản này để thực hiện việc thanh quyết toán đúng quy định ./.

Nơi nhận:

- Như trên (thực hiện);
- BGĐSYT (để biết);
- BHXH tỉnh (để phối hợp chỉ đạo);
- Website SYTĐN;
- Lưu VT, BMT.

GIÁM ĐỐC



Phan Huy Anh Vũ

DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG GIẢM GIÁ

(Đính kèm công văn số 10010/SYT-BMT ngày 29 tháng 11 năm 2021)

STT	Mã hàng	Tên thương mại	Hãng, nước sản xuất	Quyết Định	Qui cách	ĐVT trúng thầu	Giá thầu đã trúng	Giá điều chỉnh sau khi thay đổi VAT
01	210354	DG Gel Sol	Diagnostic Grifols, S.A., Spain	477/QĐ-SYT	2x100 ml	ml	8.404	8.022
02	628023	COULTER DxH Cleaner	Beckman Coulter, Inc., USA	477/QĐ-SYT	10L	Lít	729.300	696.150
03	628017	COULTER DxH Diluent	Beckman Coulter, Inc., USA	477/QĐ-SYT	10L	Test	11.000	10.500
04	29400100	ACL TOP Cuvettes	Sunrise Technologies SA, Spain	703/QĐ-SYT, 430/QĐ-SYT	2400 cuvette	Cóng	4.400	4.200
05	213679	DG Fluid A	Diagnostic Grifols, S.A., Spain	477/QĐ-SYT	12x125 ml	ml	2.871	2.730
06	213678	DG Fluid B	Diagnostic Grifols, S.A., Spain	477/QĐ-SYT	12x125 ml	ml	2.871	2.730
07	B1015-7	MicroScan Inoculum Water with PLURONIC	Beckman Coulter, Inc., USA	477/QĐ-SYT	60 lọ	Lọ	56.100	53.550
08	B1015-2	MicroScan 3mL Inoculum Water	Beckman Coulter, Inc., USA	477/QĐ-SYT	60 lọ	Lọ	47.058	44.919
09	B1013-4	MicroScan RENOK Disposable D- Inoculator Sets	Dongguan Plastat Plastic Products Company Limited, China	477/QĐ-SYT	240 cái	Cái	31.658	30.219
10	B1015-25	MicroScan MH BROTH with 3% LHB	bioMerieux, Inc., USA	477/QĐ-SYT	10 lọ	Lọ	195.470	186.585
11	B1015-16	MicroScan HNID Inoculum Broth	Beckman Coulter, Inc., USA	477/QĐ-SYT	60 lọ	Lọ	44.913	42.861
12	000975760 0	HemosIL Factor diluent	Instrumentation Laboratory Company, USA	477/QĐ-SYT	1 x 100 mL	ml	9.207	8.778
13	002030240 0	HemosIL Rinse solution	Instrumentation Laboratory Company, USA	477/QĐ-SYT	1 x 4000 mL	ml	1.100	1.050
14	000983270 0	Critical Care/ HemosIL Cleaning agent	Instrumentation Laboratory Company, USA	477/QĐ-SYT	1 x 80 mL	ml	11.154	10.647
15	000983170 0	HemosIL Cleaning solution	Instrumentation Laboratory Company, USA	477/QĐ-SYT	1 x 500 mL	ml	4.906	4.683
16	ODR2000	Wash Solution	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	477/QĐ-SYT	1x5L	ml	913	861
17	110021	SAMPLE CUP, 0.5ML	MEUS S.r.l., Ý sản xuất cho Globe Scientific Inc., Mỹ	477/QĐ-SYT	1000 cái/túi	Cái	2.552	2.436
18	66039	CLEANING SOLUTION	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	477/QĐ-SYT	450 ml	ml	8.195	7.812
19	66320	ISE Buffer	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	477/QĐ-SYT	4x2000 ml	ml	1.947	1.848



STT	Mã hàng	Tên thương mại	Hãng, nước sản xuất	Quyết Định	Quy cách	ĐVT trùng thầu	Giá thầu đã trúng	Giá điều chỉnh sau khi thay đổi VAT
20	A16792	Access Wash Buffer II	Beckman Coulter Laboratory Systems (Suzhou) Co., Ltd., Trung Quốc sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	477/QĐ-SYT	4x1950mL	ml	418	399
21	A16793	Unicel-DxI Wash Buffer II	Beckman Coulter Laboratory Systems (Suzhou) Co., Ltd., Trung Quốc sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	477/QĐ-SYT	10L	ml	231	210
22	A16792	Access Wash Buffer II	Beckman Coulter Laboratory Systems (Suzhou) Co., Ltd., Trung Quốc sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	477/QĐ-SYT	4x1950mL	ml	418	399
23	A16792	Access Wash Buffer II	Beckman Coulter Laboratory Systems (Suzhou) Co., Ltd., Trung Quốc sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	477/QĐ-SYT	4x1950mL	ml	418	399
24	A16793	Unicel DxI Wash Buffer II	Beckman Coulter Laboratory Systems (Suzhou) Co., Ltd., Trung Quốc sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	477/QĐ-SYT	10L	ml	231	210
25	A16793	Unicel DxI Wash Buffer II	Beckman Coulter Laboratory Systems (Suzhou) Co., Ltd., Trung Quốc sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	477/QĐ-SYT	10L	ml	231	210
26	ODR2000	Wash Solution	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	703/QĐ-SYT	Hộp/1x5L	ml	913	861
27	A16793	Unicel DxI Wash Buffer II	Beckman Coulter Laboratory Systems (Suzhou) Co., Ltd., Trung Quốc sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	703/QĐ-SYT	10L	ml	231	210
28	66039	CLEANING SOLUTION	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	703/QĐ-SYT	100test	Test	98.007	93.534
29	66320	ISE Buffer	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	703/QĐ-SYT	100test	Test	136.080	129.885
30	66039	CLEANING SOLUTION	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	703/QĐ-SYT	1 x 5 ml	ml	467.880	446.607

STT	Mã hàng	Tên thương mại	Hãng, nước sản xuất	Quyết Định	Qui cách	ĐVT trúng thầu	Giá thầu đã trúng	Giá điều chỉnh sau khi thay đổi VAT
31	66320	ISE Buffer	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	703/QĐ-SYT	1 x 5 ml	ml	467.880	446.607
32	66039	CLEANING SOLUTION	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	703/QĐ-SYT	450 ml	ml	8.195	7.812
33	66320	ISE Buffer	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	703/QĐ-SYT	4x2000ml	ml	1.947	1.848
34	66039	CLEANING SOLUTION	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	703/QĐ-SYT	450 ml	ml	8.195	7.812
35	66320	ISE Buffer	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	703/QĐ-SYT	4x2000 ml	ml	1.947	1.848
36	B97145	ACCESS SENSITIVE ESTRADIOL CALIBRATOR S0	Immunotech S.A.S, Pháp sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	430/QĐ-SYT	1x4mL	ml	481.250	459.375
37	ODR2000	Wash Solution	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	430/QĐ-SYT	1x5L	Lít	847.000	808.500
38	ODR2000	Wash Solution	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	430/QĐ-SYT	1x5Lít	Lít	847.000	808.500
39	81912	Citranox	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	430/QĐ-SYT	3800ml	ml	1.551	1.470
40	81912	Citranox	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	430/QĐ-SYT	3800ml	ml	1.551	1.470
41	81912	Citranox	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	430/QĐ-SYT	3800ml	ml	1.551	1.470
42	81911	Contrad 70	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	430/QĐ-SYT	1L	ml	3.410	3.255
43	110021	SAMPLE CUP, 0.5ML	MEUS S.r.l., Ý sản xuất cho Globe Scientific Inc., Mỹ	430/QĐ-SYT	1000 cái/túi	Cái	2.552	2.436
44	110621	Sample Cup, 2.0mL, PS	MEUS S.r.l., Ý sản xuất cho Globe Scientific Inc., Mỹ	430/QĐ-SYT	1000 chiếc/túi	Cái	2.211	2.100
45	386167	UniCel DxI Reaction Vessels	Beckman Coulter, Inc., USA	703/QĐ-SYT	1000 cái/ túi	cái	2.310	2.205
46	81901	Access Immunoassay System Reaction Vessels	Beckman Coulter, Inc., USA	703/QĐ-SYT	16 x 98 cái	cái	2.607	2.478
47	81901	Access Immunoassay System Reaction Vessels	Beckman Coulter, Inc., USA	703/QĐ-SYT	16 x 98 cái	cái	2.607	2.478
48	800-3236	iQ Lamina	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	477/QĐ-SYT	2 x 7000mL	ml	1.881	1.785
49	800-3203	Iris System Cleanser	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	477/QĐ-SYT	4 jar x 425mL	ml	1.705	1.617

STT	Mã hàng	Tên thương mại	Hãng, nước sản xuất	Quyết Định	Qui cách	ĐVT trúng thầu	Giá thầu đã trúng	Giá điều chỉnh sau khi thay đổi VAT
50	800-3203	Iris System Cleanser	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	477/QĐ-SYT	4 jar x 425mL	ml	1.705	1.617
51	800-7217	iChem® Wash Solution	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	477/QĐ-SYT	2 bottle x 7L	ml	165	147
52	800-3202	Iris Diluent Pack	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	477/QĐ-SYT	4 jar x 475mL	ml	2.453	2.331